

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2020

Về việc: Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Anh

2. Bà Trần Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Luân Thị T, sinh ngày 15/3/1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Chu Văn N, sinh ngày 15/9/1990, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Luân Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi tiến tới hôn nhân, chị Luân Thị T và anh Chu Văn N có được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 31/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã Đ), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh Chu Văn N, đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung

nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Chu Văn N còn sử dụng bạo lực đánh chị Luân Thị T dẫn đến chị Tươi phải vào viện điều trị từ ngày 12/7/2020 đến ngày 16/7/2020 mới ra viện với chẩn đoán: Chạm thương phần mềm quanh mắt trái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn N.

Về con chung: Có 01 chung là cháu Chu Ngọc D, sinh ngày 03/11/2017, hiện đang ở cùng chị Luân Thị T và do ông, bà ngoại của cháu hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc nay đi học mẫu giáo tại Trường Mầm non xã L. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hiện nay chị Luân Thị T là công nhân tại Công ty LUXSHARE-ICT, có mức thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Luân Thị T yêu cầu anh Chu Văn N phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả..

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn N tại bản tự khai ngày 21/10/2020 và tại phiên tòa anh trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh xác nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp, nên thường xuyên cãi chửi nhau. Anh Chu Văn N cũng xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Luân Thị T.

Về con chung: Anh Chu Văn N và chị Luân Thị T có 01 con chung như chị Luân Thị T trình bày là đúng, nhưng khi ly hôn anh Chu Văn N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Ngọc D và không yêu cầu chị Luân Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh Chu Văn N đang làm công nhân tại Công ty WNC tại tỉnh B, thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Anh Chu Văn N cũng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã có văn bản số 428/CV-TA về việc xác minh tình trạng hôn nhân và tại văn bản phúc đáp ngày 21/10/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác nhận chị Luân Thị T và anh Chu Văn N có đăng ký kết hôn ngày 31/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, còn cháu Chu Ngọc D hiện đang sống cùng chị Tươi ở gia đình bên ngoại tại thôn B, xã P (nay là xã L) huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì hiện nay cháu Chu Ngọc D đang sinh sống cùng gia đình ông Luân Văn L và bà Hoàng Thị L1 (là ông, bà ngoại) và mức chi phí trung bình để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập cho trẻ ở lứa tuổi cháu Chu Ngọc D tại địa phương là khoảng 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu.

Tại Giấy xác nhận ngày 23/11/2020 Hiệu trưởng trường mầm non L xác nhận hiện nay cháu Chu Ngọc D đang học tại điểm trường B thuộc trường mầm non L, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đối với vụ án; xác định đúng tư cách đương sự và thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên hòa giải ngày 27/10/2020 và tại phiên tòa, cả chị Tươi và anh Ngôn đều nhất trí ly hôn, do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh N. Về con chung: Giao cháu Chu Ngọc D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Diệp đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn N phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Chu Ngọc D theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Các đương sự không phải chịu án phí vì thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Luân Thị T và anh Chu Văn N là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã Đ), huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Theo trích lục kết hôn số 84/TLKH-BS ngày 03/8/2020).

[2] Về tình cảm: Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Luân Thị T và anh Chu Văn N đều xác nhận mặc dù trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nhưng cuộc sống vợ, chồng cũng chỉ hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, do không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ nhau ngoại tình; cuộc sống vợ, chồng cũng đã có bạo lực gia đình. Nay cả chị Luân Thị T và anh Chu Văn N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, không còn tôn trọng lẫn nhau nên thuận tình xin ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Luân Thị T và anh Chu Văn N là tự nguyện và có cơ sở bởi lẽ mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; việc thuận tình ly hôn cũng không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Luân Thị T và anh Chu Văn N có 01 con chung là cháu Chu Ngọc D, sinh ngày 03/11/2017, hiện nay đang ở cùng gia đình chị Luân Thị T và học tại điểm trường B, thuộc trường mầm non L, xã L, huyện V. Kết quả xác minh tại địa phương cháu Chu Ngọc D có điều kiện học tập tốt, không bị ngược đãi gì. Xét điều kiện nuôi con của chị Luân Thị T và anh Chu Văn N thấy rằng cả hai đều làm công nhân, có thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con. Tuy nhiên, cả hai đều làm công nhân của các công ty ở địa phương khác không có điều kiện thường xuyên chăm sóc con, nên khi giao con cho một trong hai bên thì cũng chủ yếu do ông, bà hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi

dưỡng. Nhưng hiện nay cháu Chu Ngọc D đang sinh sống, học tập ổn định cùng gia đình chị Luân Thị T, hơn nữa cháu mới được 03 tuổi 01 tháng 06 ngày rất cần được sự quan tâm, chăm sóc tận tình của người mẹ. Tại phiên tòa, mẹ đẻ chị Luân Thị T là bà Hoàng Thị L1 đến tham dự phiên tòa cũng cam đoan sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Ngọc D những khi chị T đi làm. Do vậy, việc giao cháu Chu Ngọc D cho chị Luân Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục với sự hỗ trợ của bà Hoàng Thị L1 là đảm bảo quyền lợi, đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu Chu Ngọc D. Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh Chu Văn N vì không có căn cứ, không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Anh Chu Văn N sẽ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, nơi cháu Chu Ngọc D đang sống và học tập thì chi phí để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, học tập lứa tuổi của cháu tại địa phương khoảng 2.000.000 đồng/1 tháng. Hiện nay anh Chu Văn N đang có công việc ổn định, thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nên việc buộc anh Chu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo yêu cầu của chị Luân Thị T với số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng là có căn cứ chấp nhận. Anh Chu Văn N không phải chịu lãi suất chậm trả do chị Luân Thị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Luân Thị T và anh Chu Văn N đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Luân Thị T và anh Chu Văn N là hộ nghèo, đã có đơn xin miễn án phí, do vậy được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 186, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Luân Thị T và anh Chu Văn N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Luân Thị T. Giao cháu Chu Ngọc D, sinh ngày 03/11/2017 cho chị Luân Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh Chu Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng (Một triệu đồng trên một tháng), phương thức cấp dưỡng theo từng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu Chu Ngọc D đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn N không phải chịu lãi suất chậm trả.

3. Về án phí: Chị Luân Thị T và anh Chu Văn N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Luân Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/03991 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
- CCTHADS V, T. Lạng Sơn.
- UBND xã Đ, huyện V.
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp